

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Kế hoạch và hướng dẫn thực hiện  
Phương án điều tra năng suất, sản lượng cây nông nghiệp**

**TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THỐNG KÊ**

Căn cứ Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1697/QĐ-BKHĐT ngày 05 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành Phương án điều tra năng suất, sản lượng cây nông nghiệp;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch và hướng dẫn thực hiện Phương án điều tra năng suất, sản lượng cây nông nghiệp tại 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 2.** Cục trưởng Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê, Vụ trưởng Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch tài chính, Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Thanh tra thống kê, Chánh Văn phòng Tổng cục, Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *JH*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (để báo cáo);
- Lãnh đạo Tổng cục Thống kê;
- Lưu: VT, TTDL (5).

**TỔNG CỤC TRƯỞNG**



**Nguyễn Thị Hương**



**KẾ HOẠCH VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN  
ĐIỀU TRA NĂNG SUẤT, SẢN LƯỢNG CÂY NÔNG NGHIỆP**

(Kèm theo Quyết định số 1416/QĐ-TCTK ngày 18 tháng 11 năm 2024  
của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê)

**I. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN<sup>1</sup>**

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện <sup>2</sup>	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1	Xây dựng Quyết định và Phương án điều tra	Tháng 4-7/2024	Cục TTDL	Vụ NLTS
2	Thiết kế và hoàn thiện phiếu điều tra	Tháng 6-7/2024	Cục TTDL	Vụ NLTS
3	Xây dựng Sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ	Tháng 6-9/2024	Cục TTDL	Vụ NLTS
4	Xây dựng Sổ tay hướng dẫn sử dụng các phần mềm và tài liệu khác	Tháng 9-12/2024	Cục TTDL	Vụ NLTS
5	Thiết kế chọn mẫu	Trước thời điểm điều tra 30 ngày	Cục TTDL	Vụ NLTS
6	Chọn địa bàn điều tra	Trước thời điểm điều tra 20 ngày	CTK	CCTK
7	Rà soát địa bàn điều tra	Trước thời điểm điều tra 20 ngày	CTK	CCTK
8	Cập nhật bảng kê hộ	Trước thời điểm điều tra 15 ngày	CTK	CCTK
9	Chọn mẫu hộ	Trước thời điểm điều tra 5 ngày	CTK	CCTK
10	Xây dựng các chương trình phần mềm điều tra: CAPI; Trang Web điều hành (cập nhật bảng kê, chọn mẫu hộ; quản	Tháng 9-11/2024	Cục TTDL	Vụ NLTS

<sup>1</sup> Các chữ viết tắt trong bảng: Cục TTDL: Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê; Vụ NLTS: Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản; VPCT: Văn phòng Tổng cục; CTK: Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; CCTK: Chi Cục Thống kê.

<sup>2</sup> Các mục có số thứ tự: 1, 2, 3, 4, 10, 11, 12 thực hiện năm xây dựng và ban hành phương án; các mục còn lại theo năm điều tra.

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện <sup>2</sup>	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
	lý mạng lưới điều tra, giám sát, kiểm tra và nghiệm thu số liệu, ...)			
11	Tổ chức hội nghị tập huấn nghiệp vụ cấp Trung ương (nếu có)	Tháng 12/2024	Cục TTDL	VPTC, Vụ NLTS
12	Tổ chức hội nghị tập huấn nghiệp vụ tại địa phương (nếu có)	Tháng 12/2024	CTK	CCTK
13	Thu thập thông tin phiếu điều tra	20 ngày bắt đầu từ thời điểm điều tra	CTK	CCTK
14	Kiểm tra và duyệt dữ liệu điều tra	20 ngày sau khi kết thúc thu thập thông tin	CTK	CCTK
15	Xử lý số liệu điều tra	20 ngày sau khi kết thúc thu thập thông tin	Cục TTDL	Vụ NLTS
16	Biên soạn báo cáo kết quả chủ yếu của cuộc điều tra	Sau 15 ngày nhận dữ liệu của CTK	Vụ NLTS	

## II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

**1. Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê (Cục TTDL):** Chủ trì xây dựng phiếu điều tra, thiết kế mẫu, chọn mẫu điều tra, biên soạn các tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ điều tra, hướng dẫn cập nhật bảng kê, xây dựng các chương trình phần mềm ứng dụng, quản lý mạng lưới điều tra, kiểm tra và duyệt số liệu trực tuyến, xây dựng các phần mềm tổng hợp kết quả điều tra, phần mềm giám sát trực tuyến, hỗ trợ kỹ thuật trong quá trình điều tra, làm sạch và xử lý số liệu; tổng hợp kết quả đầu ra theo mẫu biểu do Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản thiết kế để chuyển các đơn vị sử dụng.

**2. Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản (Vụ NLTS):** Chủ trì xây dựng mẫu biểu tổng hợp kết quả đầu ra, kiểm tra hệ biểu tổng hợp kết quả đầu ra, phân tích và công bố kết quả điều tra. Phối hợp với Cục TTDL và các đơn vị liên quan trong việc xây dựng phiếu điều tra; xây dựng các tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ; xây dựng yêu cầu và kiểm thử các phần mềm; tổ chức tập huấn; kiểm tra, giám sát; nghiệm thu, làm sạch và hoàn thiện cơ sở dữ liệu;...

**3. Vụ Kế hoạch tài chính:** Chủ trì và phối hợp với Cục TTDL và Vụ NLTS và các đơn vị liên quan dự trù kinh phí; phân bổ kinh phí; hướng dẫn các đơn vị

quản lý, sử dụng nguồn kinh phí được giao theo đúng chế độ hiện hành và duyệt báo cáo quyết toán của các đơn vị.

**4. Văn phòng Tổng cục Thống kê:** Chủ trì tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền. Phối hợp với Cục TTDL và các đơn vị liên quan tổ chức hội nghị tập huấn cấp trung ương, thực hiện công tác giám sát, biên soạn, phát hành báo cáo kết quả điều tra.

**5. Vụ Pháp chế và Thanh tra thống kê:** Chủ trì tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra cuộc điều tra theo kế hoạch được phê duyệt.

**6. Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Cục Thống kê):**

Tổ chức, chỉ đạo toàn diện cuộc điều tra tại các địa bàn điều tra đã được chọn từ bước rà soát địa bàn, cập nhật bảng kê, rà soát hộ được chọn điều tra; tuyển chọn, tập huấn cho điều tra viên và giám sát viên; điều tra thực địa; giám sát, kiểm tra việc tập huấn và thu thập thông tin tại địa bàn; nghiệm thu và đánh mã phiếu điều tra...

Cục trưởng Cục Thống kê chịu trách nhiệm trước Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê về chất lượng thông tin điều tra và quản lý, sử dụng kinh phí điều tra thuộc địa phương mình.

Đề tạo sự ủng hộ của các cấp, các ngành và người dân đối với cuộc điều tra, Cục Thống kê xây dựng kế hoạch tổ chức chỉ đạo chặt chẽ, thường xuyên tranh thủ sự chỉ đạo và tạo điều kiện của Ủy ban nhân dân các cấp, đồng thời tăng cường công tác tuyên truyền mục đích, ý nghĩa của cuộc điều tra, quyền và nghĩa vụ của đối tượng điều tra tại các địa bàn điều tra.

### III. THIẾT KẾ MẪU

Áp dụng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên hệ thống 02 cấp.

Mẫu cấp 1: Chọn thôn, ấp, bản,... mẫu (gọi chung là thôn mẫu) và các phường, thị trấn mẫu (gọi chung là phường mẫu).

Mẫu cấp 2: Chọn hộ mẫu.

Quy mô mẫu đảm bảo đại diện cấp huyện đối với cây lúa; đại diện cấp tỉnh đối với các loại cây nông nghiệp trồng diêm ngoài lúa.

Quy định chi tiết về quy mô mẫu và phương pháp chọn mẫu xem phụ lục số 1.

### IV. PHIẾU ĐIỀU TRA

<b>Phiếu số 01/NSHN-HO</b> <i>(Thông tin thu thập được bảo mật theo Luật Thống kê)</i>	<b>TỔNG CỤC THỐNG KÊ</b> <b>PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ SẢN XUẤT CÂY HẰNG NĂM CỦA HỘ</b> Vụ sản xuất:..... năm 20.....
---	--

Tỉnh/thành phố trực thuộc TW:.....

Huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh hoặc thành phố trực thuộc TW:.....

Xã/phường/thị trấn: .....

Thôn/ấp/bản/tổ dân phố:.....

Hộ số:.....

Họ và tên chủ hộ: .....

**1. Hộ được chọn mẫu điều tra sản phẩm nào sau đây? (CHƯƠNG TRÌNH)**

- 1  Trồng lúa >> Câu 2
- 2  Cây trồng điểm (ngoài lúa) >> Câu 3
- 3  Cây hằng năm khác >> Câu 4

**2. Hộ trồng loại lúa nào sau đây? (CHƯƠNG TRÌNH)**

- 1  Lúa nước      2  Lúa nương

**3. Trong vụ sản xuất [...] vừa qua, hộ [ÔNG/BÀ] có thu hoạch cây<sup>3</sup> [...] không? (ÁP DỤNG ĐỐI VỚI HỘ ĐIỀU TRA CÂY HẰNG NĂM TRỌNG ĐIỂM)**

- 1  CÓ      2  KHÔNG >> Kết thúc phỏng vấn.

**4. Trong vụ sản xuất [...] vừa qua, hộ [ÔNG/BÀ] thu hoạch những loại cây hằng năm nào sau đây<sup>4</sup>? (ĐTV khai thác thông tin về các loại cây hằng năm mà hộ gieo trồng và thu hoạch trong vụ sản xuất vừa qua, Chương trình hiển thị danh sách các loại cây hằng năm để ĐTV tích chọn. Tiếp theo, chương trình hỏi lần lượt cho từng loại cây hằng năm được tích chọn).**

4.1. Diện tích gieo trồng [.....] trong vụ sản xuất?	<input type="text"/>	(m <sup>2</sup> )
--	----------------------	-------------------

<sup>3</sup> Đối với hộ được chọn mẫu đại diện cho loại cây trồng điểm của tỉnh, chương trình máy tính sẽ tự động tích chọn loại cây trồng tương ứng, ĐTV hỏi lại để xác nhận, trường hợp hộ thực tế không gieo trồng → Dùng phỏng vấn.

<sup>4</sup> Logic chương trình: Không hỏi thông tin về cây lúa đối với hộ mẫu được chọn điều tra cây trồng điểm (ngoài lúa) và cây hằng năm khác, nhưng hỏi thông tin cây hằng năm khác (ngoài lúa) với hộ mẫu chọn điều tra cây lúa.

4.2. Diện tích thu hoạch [.....] trong vụ sản xuất?	<input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>	(m <sup>2</sup> )
4.2.1. Giống lúa sử dụng chủ yếu <sup>5</sup> (THIẾT BỊ HIỆN THỊ)	.....	
4.3. Sản lượng thu hoạch [.....] trong vụ sản xuất?	<input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>	(kg)
4.3.1. Sản lượng lúa hộ thu hoạch thuộc trường hợp nào dưới đây <sup>6</sup> ?		
a. Sản lượng thu hoạch và bán ngay tại ruộng	<input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>	(kg)
b. Sản lượng thu hoạch đã phơi khô, sạch	<input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>	(kg)
4.3.1.1. Tỷ lệ chuyển đổi từ lúa tươi sang lúa phơi khô, sạch.	<input type="text"/> <input type="text"/>	(%)
4.4. Sản lượng bán sản phẩm [.....] của vụ sản xuất?	<input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>	(kg)
4.5. Doanh thu bán sản phẩm [.....] của vụ sản xuất?	<input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>	(1000 đồng)
4.6. Tổng chi phí <b>dịch vụ thuê ngoài</b> <sup>7</sup> đối với sản xuất cây [...] trên diện tích thu hoạch của hộ trong vụ sản xuất là bao nhiêu?	<input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>	(1000 đồng)
4.6.1. Trong đó: Chi phí dịch vụ thuê ngoài đối với hoạt động sau thu hoạch (phơi, sấy, sơ chế sản phẩm) đối với sản phẩm của cây [...] của hộ trong vụ sản xuất là bao nhiêu?	<input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>	(1000 đồng)

### KẾT THÚC PHÒNG VẤN

Họ và tên người cung cấp thông tin: \_\_\_\_\_

Số điện thoại của người cung cấp thông tin: \_\_\_\_\_

<sup>5</sup> Câu hỏi này chỉ hỏi đối với hộ mẫu điều tra cây lúa.

<sup>6</sup> Hỏi cho riêng vùng Đồng bằng sông Cửu Long, chỉ hỏi đối với hộ mẫu lúa. Chương trình hỏi từ câu 4.3.1, sau đó chương trình tự động tính sản lượng lúa cho câu 4.3.

<sup>7</sup> Dịch vụ thuê ngoài trồng trọt bao gồm: dịch vụ thuê làm đất; thuê thu hoạch; thuê gieo trồng; thuê chăm sóc; thuê phòng trừ sâu bệnh cho cây trồng (phun thuốc sâu, ...); thuê phơi, sấy, sơ chế sản phẩm sau thu hoạch.

<b>Phiếu số 02/NSLN-HO</b> <i>(Thông tin thu thập được bảo mật theo Luật Thống kê)</i>	<b>TỔNG CỤC THỐNG KÊ</b> <b>PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ SẢN XUẤT CÂY LÂU NĂM CỦA HỘ</b> Năm .....
---	---

Tỉnh/thành phố trực thuộc TW:.....

Huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh hoặc thành phố trực thuộc TW:.....

Xã/phường/thị trấn: .....

Thôn/ấp/bản/tổ dân phố:.....

Hộ số:.....

Họ và tên chủ hộ: .....

**1. Hộ được chọn mẫu điều tra thuộc lĩnh vực nào sau đây? (CHƯƠNG TRÌNH)**

1  Cây trọng điểm      2  Cây lâu năm khác → Câu 3

**2. Trong 12 tháng qua, hộ [ÔNG/BÀ] có diện tích cho sản phẩm cây<sup>8</sup> [.....] không? (ÁP DỤNG ĐỐI VỚI HỘ ĐIỀU TRA CÂY LÂU NĂM TRỌNG ĐIỂM)**

1  CÓ      2  KHÔNG >> Kết thúc phỏng vấn.

**3. Hộ [ÔNG/BÀ] có diện tích trồng tập trung cho sản phẩm những loại cây lâu năm nào sau đây? (ĐTV hỏi thông tin về các loại cây lâu năm mà hộ sản xuất trong 12 tháng vừa qua, Chương trình hiển thị danh sách các loại cây lâu năm để ĐTV tích chọn. Tiếp theo, chương trình hỏi lần lượt từng loại cây lâu năm được tích chọn).**

3.1. Diện tích trồng tập trung [.....] tại thời điểm 01/12?		<input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>	(m <sup>2</sup> )
3.2. Số lượng cây [.....] trên diện tích trồng tập trung?		<input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>	(Cây)
3.3. Diện tích trồng tập trung cho sản phẩm [.....] trong kỳ điều tra?		<input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>	(m <sup>2</sup> )
3.4. Tổng sản lượng thu hoạch [.....] trong 12 tháng qua?		<input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>	(kg)
Chia ra	3.4.1. Sản lượng thu hoạch [.....] từ diện tích trồng tập trung cho sản phẩm?	<input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>	(kg)
	3.4.2. Sản lượng thu bói [.....] từ diện tích trồng tập trung chưa qua thời kỳ kiến thiết cơ bản?	<input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>	(kg)

<sup>8</sup> Đối với hộ được chọn mẫu đại diện cho loại cây trọng điểm của tỉnh, chương trình máy tính sẽ tự động tích chọn loại cây trồng tương ứng, ĐTV hỏi lại để xác nhận, trường hợp hộ thực tế không có diện tích cho sản phẩm → Kết thúc phỏng vấn.

3.4.3. Sản lượng thu hoạch [...] từ cây trồng phân tán?	<input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>	(kg)
3.5. Sản lượng bán sản phẩm [...] từ sản lượng thu hoạch của hộ?	<input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>	(kg)
3.6. Doanh thu bán sản phẩm [...] từ sản lượng thu hoạch của hộ?	<input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>	(1000 đồng)
3.7. Tổng chi phí dịch vụ thuê ngoài <sup>9</sup> đối với sản xuất cây [...] trên diện tích trồng tập trung của hộ trong 12 tháng qua là bao nhiêu?	<input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>	(1000 đồng)
3.7.1. Trong đó: Chi phí dịch vụ thuê ngoài đối với hoạt động sau thu hoạch (phơi, sấy, sơ chế sản phẩm) đối với sản phẩm của cây [...] của hộ là bao nhiêu?	<input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>	(1000 đồng)

4. Trong 12 tháng qua, hộ [ÔNG/BÀ] có diện tích vườn cao su bị thanh lý không?

(CHỈ HỎI ĐỐI VỚI HỘ ĐIỀU TRA MẪU CÂY CAO SU)

1  CÓ      2  KHÔNG >> KẾT THÚC PHÒNG VẤN

4.1. Diện tích vườn cao su thanh lý trong 12 tháng qua của hộ [ÔNG/BÀ]?  (m<sup>2</sup>)

4.2. Sản lượng gỗ cây cao su thu hoạch từ diện tích thanh lý?  (m<sup>3</sup>)

#### KẾT THÚC PHÒNG VẤN

Họ và tên người cung cấp thông tin: \_\_\_\_\_

Số điện thoại của người cung cấp thông tin: \_\_\_\_\_

<sup>9</sup> Dịch vụ thuê ngoài trồng trọt bao gồm: dịch vụ thuê làm đất; thuê thu hoạch; thuê trồng cây; thuê chăm sóc; thuê phòng trừ sâu bệnh cho cây trồng (phun thuốc sâu, ...); thuê phơi, sấy, sơ chế sản phẩm sau thu hoạch.



**Phiếu số 03/NSSL-DN,HTX**

*(Thông tin thu thập được bảo mật theo Luật Thống kê)*

**TỔNG CỤC THỐNG KÊ**

**PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TRỒNG TRỌT CỦA DOANH NGHIỆP, HTX, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP**

Năm 20...

Tỉnh/thành phố trực thuộc TW: .....

Huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh hoặc thành phố trực thuộc TW: .....

Xã/phường/thị trấn: .....

Tên đơn vị: .....

Loại hình đơn vị: *(DN nhà nước=1, DN ngoài nhà nước=2; DN FDI=3; Hợp tác xã=4; ĐVSN=5)*

Mã số thuế (Nếu có):

Địa chỉ: .....

Số điện thoại: .....

**PHẦN A. THÔNG TIN CHUNG CỦA ĐƠN VỊ**

**1. Tình trạng hoạt động của đơn vị (LỰA CHỌN 01 Ô THÍCH HỢP)**

1.  Đang hoạt động
2.  Tạm ngừng hoạt động
3.  Ngừng hoạt động chờ giải thể >> Kết thúc trả lời
4.  Không hoạt động >> Kết thúc trả lời

**2. Đơn vị hoạt động thuộc lĩnh vực nào sau đây? (CHƯƠNG TRÌNH TỰ CHỌN<sup>10</sup>)**

1  Cây hằng năm

2  Cây lâu năm >> Câu 7, phần II

**PHẦN B. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TRỒNG TRỌT CỦA ĐƠN VỊ**

**I. Hoạt động sản xuất cây hằng năm của đơn vị**

**3. Hoạt động sản xuất cây hằng năm của đơn vị thuộc vụ sản xuất nào sau đây?  
(CHƯƠNG TRÌNH TỰ CHỌN THEO KỲ ĐIỀU TRA)**

1  Đông

4  Hè Thu

2  Xuân

5  Thu Đông

3  Đông Xuân

6  Mùa

**4. Thông tin về kết quả hoạt động sản xuất cây hằng năm trong vụ sản xuất của đơn vị**

Tên cây hằng năm	Mã số <sup>11</sup>	Diện tích gieo trồng (Ha)	Diện tích thu hoạch (Ha)	Sản lượng thu hoạch <sup>12</sup> (Tấn)	Trong đó: bán ra	
					Sản lượng (Tấn)	Doanh thu (Triệu đồng)
A	B	1	2	3	4	5
Lúa	01110091					
- Lúa ruộng	011100951					

<sup>10</sup> Doanh nghiệp thuộc: (1) chi trồng cây hằng năm: kê khai thông tin theo vụ sản xuất mục I phần B; (2) chi trồng cây lâu năm: kê khai thông tin mục II phần B (Kỳ 01/12); (3) vừa trồng cây hằng năm, vừa trồng cây lâu năm: cây hằng năm kê khai theo từng vụ sản xuất, cây lâu năm chỉ kê khai vào kỳ điều tra 01/12 hằng năm.

<sup>11</sup> Ghi theo mã số tương ứng với loại cây hằng năm trong phụ lục 3.

<sup>12</sup> Riêng sản lượng thu hoạch và sản lượng bán ra đối với **hoa các loại** là: nghìn bông/chậu/cành.

Tên cây hằng năm	Mã số <sup>11</sup>	Diện tích gieo trồng (Ha)	Diện tích thu hoạch (Ha)	Sản lượng thu hoạch <sup>12</sup> (Tấn)	Trong đó: bán ra	
					Sản lượng (Tấn)	Doanh thu (Triệu đồng)
A	B	1	2	3	4	5
- Lúa nương	011100961					
Ngô	01120191					
Khoai lang	01130101					
Sắn	01130201					
- Sắn/ mỳ thường	011302051					
- Sắn/mỳ công nghiệp	011302061					
.....	.....					

### 5. Kết quả sản xuất giống cây hằng năm trong vụ sản xuất của đơn vị

STT	Tên cây/nhóm cây giống	Mã số	Tổng diện tích ươm giống (Ha)	Số cây giống bán ra (Nghìn cây)	Doanh thu bán cây giống (Triệu đồng)
A	B	C	1	2	3
1	Rau các loại	01181			
2	Hoa các loại	011831			
3	Cây.....	.....			
.....	.....	.....			
.....	.....	.....			

**6. Giá trị dịch vụ thuê ngoài phục vụ hoạt động trồng cây hằng năm trong vụ sản xuất của đơn vị**

STT	Tên chỉ tiêu	Tổng trị giá (Triệu đồng)
	<b>Tổng giá trị dịch vụ thuê ngoài</b>	
1	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	
2	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	
3	Xử lý hạt giống để nhân giống	

**II. Hoạt động sản xuất cây lâu năm của đơn vị** (Mục này chỉ hỏi đối với kỳ điều tra 01/12)

**7. Thông tin về kết quả hoạt động sản xuất cây lâu năm trong 12 tháng qua của đơn vị**

Tên cây lâu năm	Mã số <sup>13</sup>	Diện tích trồng tập trung tại thời điểm 01/12 (Ha)	Diện tích trồng mới trong kỳ điều tra (Ha)	Diện tích trồng tập trung cho sản phẩm trong kỳ điều tra (Ha)	Sản lượng thu hoạch trong 12 tháng qua (Tấn)	Trong đó: bán ra	
						Sản lượng (Tấn)	Doanh thu (Triệu đồng)
A	B	1	2	3	4	5	6

<sup>13</sup> Ghi theo mã số tương ứng với loại cây lâu năm trong phụ lục 3.

**8. Kết quả sản xuất giống cây lâu năm trong 12 tháng qua của đơn vị**

STT	Tên cây/nhóm cây giống	Mã số <sup>14</sup>	Tổng diện tích ươm giống (Ha)	Số cây giống bán ra (Nghìn cây)	Doanh thu bán cây giống (Triệu đồng)
A	B	C	1	2	3

**9. Giá trị dịch vụ thuê ngoài phục vụ hoạt động trồng cây lâu năm trong 12 tháng qua của đơn vị**

STT	Tên chỉ tiêu	Tổng trị giá (Triệu đồng)
	<b>Tổng giá trị dịch vụ thuê ngoài</b>	
1	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	
2	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	
3	Xử lý hạt giống để nhân giống	

<sup>14</sup> Ghi theo mã số tương ứng với loại cây lâu năm trong phụ lục 3.

**10. Thông tin thu hoạch gỗ cao su từ diện tích thanh lý trong 12 tháng qua của đơn vị**

STT	Tên sản phẩm	Diện tích thanh lý vườn cây (Ha)	Sản lượng gỗ cao su thu hoạch (m <sup>3</sup> )	Bán ra	
				Sản lượng (m <sup>3</sup> )	Doanh thu (Triệu đồng)
1	Gỗ cây cao su				

Họ và tên người cung cấp thông tin: \_\_\_\_\_

Số điện thoại của người cung cấp thông tin: \_\_\_\_\_

# Phụ lục 1

## QUY MÔ MẪU, PHƯƠNG PHÁP CHỌN MẪU

### A. CHỌN MẪU CÂY HÀNG NĂM

#### I. Chọn mẫu cây lúa

Chọn mẫu điều tra hộ trồng lúa đại diện cho từng quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi tắt là huyện).

##### 1. Quy mô mẫu

Áp dụng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên hệ thống 02 cấp.

Mẫu cấp 1: Chọn thôn, ấp, bản,... mẫu (gọi chung là thôn mẫu) và các phường, thị trấn mẫu (gọi chung là phường mẫu).

Mẫu cấp 2: Chọn hộ mẫu.

Số lượng thôn mẫu, phường mẫu và hộ mẫu của mỗi huyện được quy định theo quy mô diện tích trồng lúa nước từng vụ sản xuất của huyện như bảng sau:

STT	Diện tích lúa của huyện	Số thôn, phường mẫu (Đơn vị)	Tổng số hộ mẫu (Hộ)
1	Dưới 100 ha	0	0
2	Từ 100 ha đến dưới 5.000 ha	6	60
3	Từ 5.000 ha đến dưới 10.000 ha	8	80
4	Từ 10.000 ha trở lên	10	100

Đối với những huyện có diện tích gieo trồng lúa nương/rẫy: Mỗi huyện chọn tối đa 20 hộ có gieo trồng lúa nương/rẫy theo phương pháp chuyên gia. Khi tính toán và suy rộng năng suất cho huyện thì suy rộng riêng cho lúa ruộng và lúa nương/rẫy.

##### 2. Phương pháp chọn mẫu

- Chọn mẫu cấp 1: Thôn mẫu, phường mẫu

Bước 1: Lập danh sách các thôn, phường có diện tích gieo trồng lúa từ 0,5 ha trở lên trên địa bàn huyện theo thứ tự đơn vị hành chính cấp xã và thứ tự các thôn trong xã lần lượt như sau:

STT	Tên xã/ phường	Tổng diện tích gieo trồng lúa của từng thôn, phường	Diện tích cộng dồn
1	X1	D1	D1

STT	Tên xã/ phường	Tổng diện tích gieo trồng lúa của từng thôn, phường	Diện tích cộng dồn
2	X2	D2	D1+D2
3	X3	D3	D1+D2+D3
4	X4	D4	D1+D2+D3+D4
...			
N	Xn	Dn	D1+D2+D3+D4+...+Dn

*Bước 2:* Tính khoảng cách (k) để chọn thôn, phường mẫu cho huyện theo công thức sau:

$$\text{Khoảng cách chọn thôn mẫu, phường mẫu (k)} = \frac{\text{Tổng diện tích gieo trồng lúa của các thôn, phường}}{\text{Tổng số thôn, phường mẫu}}$$

Chọn số ngẫu nhiên  $i$  nằm trong khoảng từ 1 đến  $k$  ( $i < k$ ). Chọn thôn, phường đầu tiên có diện tích cộng dồn bằng hoặc lớn hơn gần nhất với giá trị  $i$ . Các thôn, phường mẫu được chọn tiếp theo là thôn, phường có diện tích cộng dồn bằng hoặc lớn hơn gần nhất với các giá trị  $i+k$ ,  $i+2k$ ,  $i+3k$ ,... cho đến khi đủ số đơn vị chọn mẫu cấp 1.

*Bước 3:* Lập danh sách thôn mẫu, phường mẫu.

Thực hiện lập danh sách các thôn mẫu, phường mẫu được chọn theo thứ tự danh mục hành chính cấp xã và thứ tự thôn trong xã cho từng vụ sản xuất tương ứng của toàn huyện.

*Bước 4:* Phân bổ số lượng hộ mẫu cho từng thôn mẫu, phường mẫu.

Áp dụng công thức phân bổ mẫu tỷ lệ thuận với căn bậc hai của quy mô tổng thể đơn vị lập bảng kê.

Công thức chung:

$$n_t = n \left( \frac{\sqrt{N_t}}{\sum_{t=1}^k \sqrt{N_t}} \right)$$

*Trong đó:*

$n$ : Số lượng hộ mẫu của toàn huyện.

$n_t$ : Số hộ mẫu của thôn, phường mẫu thứ  $t$  ( $t=1, k$ ). Kết quả tính số hộ mẫu theo thôn  $t$  được làm tròn số.



$N_t$ : Là tổng số hộ có trồng lúa theo danh sách lập bảng kê của thôn, phường mẫu thứ t.

- *Chọn mẫu cấp 2: Hộ mẫu*

Hộ mẫu được chọn cho từng thôn, phường mẫu dựa vào số hộ có gieo trồng và thu hoạch lúa được lập theo mẫu bảng kê số 01/BK-HNTĐ-HO và số hộ mẫu phân bổ cho từng thôn, phường mẫu ở trên.

*Bước 1: Tính khoảng cách chọn hộ mẫu*

$$\text{Khoảng cách chọn hộ mẫu (k)} = \frac{\text{Tổng số hộ trồng lúa được lập danh sách của thôn, phường mẫu}}{\text{Tổng số hộ mẫu của thôn, phường mẫu}}$$

*Bước 2: Chọn hộ mẫu*

Chọn số ngẫu nhiên  $i$  nằm trong khoảng từ 1 đến  $k$  ( $i < k$ ). Hộ đầu tiên được chọn là hộ có số thứ tự  $i$  trong danh sách hộ trồng lúa của thôn, phường mẫu. Hộ mẫu tiếp theo là các hộ có số thứ tự bằng với các giá trị (được làm tròn):  $i + k$ ;  $i + 2k$ ; ...;  $i + (n-1)k$ .

*Trong đó:*  $k$  là khoảng cách chọn hộ;  $k$  có thể là số thập phân và được làm tròn đến 1 chữ số sau dấu phẩy.

Ví dụ: Thôn A có tổng số hộ trồng lúa được lập danh sách là 26 hộ và theo công thức phân bổ mẫu chung của huyện thì thôn A điều tra 10 hộ mẫu.

- Khoảng cách chọn hộ

$$k = \frac{26}{10} = 2,6$$

Giả sử hộ đầu tiên được chọn là hộ số 2 trong danh sách hộ, hộ tiếp theo được chọn lần lượt như sau:

Hộ mẫu thứ 2:  $2 + 2,6 = 4,6 \approx 5$ ;

Hộ mẫu thứ 3:  $2 + 5,2 = 7,2 \approx 7$ ;

Hộ mẫu thứ 4:  $2 + 7,8 = 9,8 \approx 10$ ;

Hộ mẫu thứ 5:  $2 + 12,4 = 14,4 \approx 14$ ;

.....

Các hộ được chọn tiếp theo là các hộ có số thứ tự 5; 7, ... trong danh sách hộ.

Lập danh sách các hộ mẫu được chọn theo thứ tự lần lượt từ 01 đến hết theo danh sách chọn của từng thôn, phường mẫu của toàn huyện.

**Lưu ý:**

- Trường hợp tổng số các thôn, phường theo danh sách hơn số lượng thôn, phường mẫu quy định, thì tiến hành chọn toàn bộ.

- Trường hợp tổng số hộ gieo trồng lúa tổng hợp từ các thôn, phường mẫu nhỏ hơn cận dưới của số lượng hộ mẫu chính thức quy định, thì tiến hành điều tra toàn bộ.

*Quy định này áp dụng tương tự đối với chọn mẫu điều tra cây trồng khác trong phương án điều tra này.*

Đơn vị mẫu cấp 1 do Cục Thống kê trực tiếp chọn cho từng huyện. Đơn vị mẫu cấp 2 do Chi cục Thống kê cấp huyện chọn và báo cáo Cục Thống kê tỉnh duyệt danh sách hộ mẫu. Các hộ mẫu được chọn cho từng vụ sản xuất riêng biệt (Đông xuân, Hè thu, Thu đông, Mùa).

**II. Chọn mẫu cây hằng năm khác (ngoài lúa)**

Chọn mẫu điều tra hộ trồng cây hằng năm khác (ngoài lúa) đại diện cho từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là tỉnh).

**1. Quy mô mẫu**

Quy mô mẫu được quy định theo từng vụ sản xuất bao gồm: quy mô mẫu đối với cây trọng điểm, quy mô mẫu đối với cây hằng năm khác còn lại.

**- Số lượng cây trọng điểm**

Cây hằng năm trọng điểm là những cây hằng năm có diện tích gieo trồng lớn hoặc cây trồng có giá trị kinh tế cao được gieo trồng và thu hoạch trong vụ sản xuất. Tổng cục Thống kê quy định số lượng cây trọng điểm theo từng vụ sản xuất như sau:

(1). Đối với vụ Đông, vụ Xuân (*Áp dụng với các địa phương sản xuất vụ Đông, vụ Xuân riêng biệt*)

Mỗi địa phương chọn từ 5 đến 7 loại cây hằng năm trọng điểm để điều tra mẫu, trong đó từ 2 đến 5 loại cây thuộc nhóm rau, hoa các loại.

Tổng cục Thống kê quy định 02 loại cây trọng điểm là ngô, sắn.

(2). Đối với vụ Đông xuân, vụ Hè thu, vụ Mùa

Mỗi địa phương chọn từ 7 đến 10 loại cây hằng năm trọng điểm để điều tra mẫu, trong đó từ 2 đến 5 loại cây thuộc nhóm rau, hoa các loại.

Tổng cục Thống kê quy định 05 loại cây hằng năm trọng điểm là ngô, khoai lang, lạc, sắn, mía.

- Số lượng hộ mẫu điều tra cây hằng năm trọng điểm

Tổng cục Thống kê quy định số lượng hộ mẫu theo quy mô diện tích gieo trồng của một số loại cây trồng chủ yếu như sau:

(1) Cây ngô:

Quy mô diện tích	Số thôn/phường mẫu (Đơn vị)	Số hộ mẫu (Hộ)
Dưới 150 ha	0	0
Từ 150 ha đến dưới 5.000 ha	5	60
Từ 5.000 ha đến dưới 15.000 ha	8	80
Từ 15.000 ha trở lên	12	120

(2) Cây khoai lang

Quy mô diện tích	Số thôn/phường mẫu (Đơn vị)	Số hộ mẫu (Hộ)
Dưới 150 ha	0	0
Từ 150 ha đến dưới 500 ha	5	50
Từ 500 ha đến dưới 3.000 ha	8	80
Từ 3.000 ha trở lên	10	100

(3) Cây lạc

Quy mô diện tích	Số thôn/phường mẫu (Đơn vị)	Số hộ mẫu (Hộ)
Dưới 150 ha	0	0
Từ 150 ha đến dưới 500 ha	5	50
Từ 500 ha đến dưới 3.000 ha	8	80
Từ 3.000 ha trở lên	10	100

(4) Cây sắn

Quy mô diện tích	Số thôn/phường mẫu (Đơn vị)	Số hộ mẫu (Hộ)
Dưới 150 ha	0	0
Từ 150 ha đến dưới 5.000 ha	5	50
Từ 5.000 ha đến dưới 15.000 ha	8	80
Từ 15.000 ha trở lên	10	100

## (5) Cây mía

Quy mô diện tích	Số thôn/phường mẫu (Đơn vị)	Số hộ mẫu (Hộ)
Dưới 150 ha	0	0
Từ 150 ha đến dưới 5.000 ha	5	50
Từ 5.000 ha đến dưới 15.000 ha	8	80
Từ 15.000 ha trở lên	12	120

## (6) Cây đậu tương

Quy mô diện tích	Số thôn/phường mẫu (Đơn vị)	Số hộ mẫu (Hộ)
Dưới 50 ha	0	0
Từ 50 ha đến dưới 500 ha	5	50
Từ 500 ha trở lên	8	80

(7) Những cây hằng năm trọng điểm khác (loại trừ những cây đã được nêu ở trên): chọn 5 thôn mẫu và 50 hộ mẫu/ 1 loại cây.

Cục Thống kê căn cứ vào diện tích các loại cây trồng của vụ sản xuất tương ứng được khai thác từ cuộc điều tra diện tích cây trồng nông nghiệp để lựa chọn loại cây trọng điểm phù hợp.

- Số lượng hộ mẫu điều tra nhóm cây hằng năm khác còn lại

Điều tra năng suất, sản lượng cây hằng năm khác còn lại ngoài cây hằng năm trọng điểm, mỗi tỉnh chọn từ 100-250 hộ.

Số lượng thôn, phường/thị trấn mẫu và số hộ mẫu được quy định theo bảng sau:

Quy mô diện tích cây hằng năm còn lại <sup>15</sup>	Số thôn, phường mẫu (Đơn vị)	Số hộ mẫu (Hộ)
Dưới 100 ha	0	0
Từ 100 ha đến dưới 1.000 ha	8	100
Từ 1.000 ha đến dưới 5.000 ha	10	150
Từ 5.000 ha đến dưới 10.000 ha	15	200
Từ 10.000 ha trở lên	20	250

<sup>15</sup> Diện tích cây hằng năm khác còn lại = Tổng diện tích cây hằng năm - Tổng diện tích các loại cây hằng năm trọng điểm.

## 2. Phương pháp chọn mẫu

Quy định chung:

- Cục Thống kê trực tiếp chọn mẫu.

- Việc chọn mẫu điều tra cây hằng năm trọng điểm và cây hằng năm khác được thực hiện cả ở địa bàn nông thôn (thôn/ấp/bản - sau đây gọi chung là cấp thôn) và địa bàn thành thị (phường/thị trấn có gieo trồng cây hằng năm khác trong vụ sản xuất trên 5 ha - sau đây gọi chung là cấp phường).

- Đơn vị mẫu cấp I: Chọn thôn, phường mẫu.

- Đơn vị mẫu cấp II: Chọn hộ mẫu.

Chi tiết các bước chọn mẫu điều tra cây hằng năm trọng điểm và cây hằng năm khác như sau:

### 2.1. Chọn mẫu điều tra cây hằng năm trọng điểm

- Chọn mẫu cấp I: Thôn mẫu, phường mẫu

*Bước 1:* Lập danh sách thôn, phường

Việc chọn mẫu cấp I sẽ căn cứ vào kết quả điều tra diện tích các cây trồng nông nghiệp của từng vụ sản xuất. Cục Thống kê lập danh sách toàn bộ các thôn, phường theo từng loại cây trọng điểm (gọi là nhóm  $T_j$ ). Sắp xếp các thôn, phường theo thứ tự diện tích cây trọng điểm  $j$  ( $j = \overline{1, n}$ ) từ *cao xuống thấp*. Sau đó lựa chọn nhóm thôn, phường có diện tích cộng dồn cây  $j$  đạt giá trị bằng hoặc lớn hơn gần nhất với 60% tổng diện tích cây  $j$  của nhóm  $T_j$  (gọi là nhóm  $t_j$ ) và chỉ lựa chọn mẫu cấp I trong nhóm  $t_j$  này.

Tiếp theo, sắp xếp các thôn, phường có diện tích trồng cây trọng điểm  $j$  chiếm 60% diện tích  $j$  ( $j = \overline{1, n}$ ) của toàn tỉnh theo thứ tự danh mục hành chính (huyện/xã, phường) và theo thứ tự thôn (trường hợp là địa bàn nông thôn). Căn cứ vào diện tích trồng cây loại  $j$  của các thôn, phường để tính diện tích cộng dồn như sau:

STT	Tên huyện	Tên xã/phường	Tên thôn, phường	Diện tích cây trọng điểm j của thôn, phường (Ha)	Diện tích cây trọng điểm j cộng dồn của thôn, phường (Ha)
A	B	C	D	1	2
1	H <sub>1</sub>	X <sub>1</sub>	V <sub>1</sub>	D <sub>1</sub>	D <sub>1</sub>
2	H <sub>1</sub>	X <sub>2</sub>	V <sub>2</sub>	D <sub>2</sub>	D <sub>1</sub> +D <sub>2</sub>
3	....	....	V <sub>3</sub>	D <sub>3</sub>	D <sub>1</sub> +D <sub>2</sub> +D <sub>3</sub>
...	.....	....	...	...	...
i	....	....	V(i)	D(i)	D <sub>1</sub> +D <sub>2</sub> +D <sub>3</sub> +D <sub>4</sub> + D(i)
i+1	.....	....	V(i+1)	D(i+1)	D <sub>1</sub> +D <sub>2</sub> +D <sub>3</sub> +D <sub>4</sub> +D(i+1)
...	....	....	...	...	...
n	H <sub>n</sub>	X <sub>n</sub>	V <sub>n</sub>	D <sub>n</sub>	D <sub>1</sub> +D <sub>2</sub> +D <sub>3</sub> +D <sub>4</sub> +D <sub>5</sub> +...+D <sub>n</sub>

Trong đó, tổng diện tích cộng dồn cây j của các thôn trên đảm bảo bằng (hoặc  $\approx$ ) 60% diện tích trồng cây j của toàn tỉnh.

*Bước 2:* Xác định số lượng đơn vị chọn mẫu cấp I

Số lượng đơn vị mẫu cấp I của mỗi loại cây được quy định tại mục 1. Quy mô mẫu.

*Bước 3:* Tính khoảng cách ( $k_j$ ) chọn đơn vị mẫu cấp I theo công thức:

$$k_j = \frac{D_j}{N_j}$$

Trong đó:

+  $k_j$ : Khoảng cách chọn đơn vị mẫu cấp I cây trọng điểm j;

+  $D_j$ : là diện tích cộng dồn của nhóm  $t_j$ ;

+  $N_j$ : Tổng số đơn vị mẫu cấp I điều tra cây trọng điểm j.

Chọn số ngẫu nhiên  $a$  nằm trong khoảng từ 1 đến  $k_j$  ( $a < k_j$ ). Đơn vị mẫu cấp I đầu tiên được chọn là thôn, phường có diện tích cộng dồn đạt giá trị bằng hoặc lớn hơn gần nhất với giá trị  $a$ . Các đơn vị mẫu cấp I được chọn tiếp theo là thôn, phường có diện tích cộng dồn bằng hoặc lớn hơn gần nhất với các giá trị  $a+k_j$ ,  $a+2k_j$ ,  $a+3k_j$  ... chọn cho đến khi đủ số mẫu cấp I.

*Bước 4:* Lập danh sách thôn mẫu, phường mẫu

Thực hiện lập danh sách các thôn mẫu, phường mẫu được chọn theo thứ tự danh mục hành chính cấp xã và thứ tự thôn trong xã cho từng vụ sản xuất tương ứng của toàn tỉnh.

*Bước 5:* Phân bổ số lượng hộ mẫu theo từng thôn, phường mẫu

Áp dụng công thức phân bổ mẫu tỷ lệ thuận với căn bậc hai của quy mô tổng thể đơn vị lập bảng kê.

Công thức chung:

$$n_t = n \left( \sqrt{N_t} : \sum_{t=1}^k \sqrt{N_t} \right)$$

*Trong đó:*

$n$ : Số lượng hộ mẫu của toàn tỉnh.

$n_t$ : Số hộ mẫu của thôn, phường mẫu thứ  $t$  ( $t=\overline{1, k}$ ). Kết quả tính số hộ mẫu theo thôn  $t$  được làm tròn số.

$N_t$ : Là tổng số hộ có trồng cây trọng điểm  $j$  theo danh sách lập bảng kê của thôn, phường mẫu thứ  $t$ .

- Chọn mẫu cấp II: Hộ mẫu

Hộ mẫu được chọn cho từng thôn, phường mẫu dựa vào số hộ có gieo trồng và thu hoạch từng cây trọng điểm được lập theo mẫu bảng kê số 01/BK-HNTĐ-HO và số hộ mẫu phân bổ cho từng thôn, phường mẫu ở trên.

*Bước 1.* Tính khoảng cách ( $k_j$ ) để chọn hộ mẫu như sau:

$$k_j = \frac{HO_j}{n_j}$$

*Trong đó:*

+  $k_j$ : Khoảng cách chọn hộ mẫu cây trọng điểm  $j$ ;

+  $HO_j$ : Tổng số hộ trồng cây hàng năm trọng điểm  $j$  được lập danh sách thuộc bảng kê 01/BK-HNTĐ-HO của thôn, phường mẫu.

+  $n_j$ : Tổng số hộ mẫu điều tra cây trọng điểm  $j$  được phân bổ của thôn, phường mẫu.

*Bước 2.* Chọn hộ mẫu

Chọn số ngẫu nhiên  $b$  nằm trong khoảng từ 1 đến  $k_j$  ( $b \leq k_j$ ). Hộ đầu tiên được chọn là hộ có số thứ tự  $b$  trong nhóm hộ  $HO_j$  đã được chọn ở trên. Hộ tiếp theo có số thứ tự  $b+k_j$ ;  $b+2k_j$ ; ...;  $b+(n_j-1)k_j$ . Thứ tự của các hộ được chọn là các giá trị vừa được tính toán sau khi đã làm tròn.

*Bước 3.* Lập danh sách các hộ mẫu

Lập danh sách các hộ mẫu được chọn lần lượt theo thứ tự từ 01 đến hết theo danh sách chọn của từng thôn, phường mẫu của toàn tỉnh.

## 2.2. Chọn mẫu điều tra cây hằng năm khác còn lại

- Chọn mẫu cấp I: Thôn mẫu, phường mẫu

*Bước 1:* Lập danh sách thôn, phường:

Sau khi loại trừ những địa bàn mẫu (thôn, phường mẫu) đã chọn để điều tra cây hằng năm trọng điểm, căn cứ vào kết quả điều tra diện tích của từng vụ sản xuất, Cục Thống kê lập danh sách toàn bộ các thôn, phường có gieo trồng cây hằng năm khác<sup>16</sup> (gọi là nhóm  $T_k$ ). Sắp xếp các thôn, phường theo thứ tự diện tích từ *cao xuống thấp*. Sau đó lựa chọn nhóm thôn, phường có diện tích cộng dồn đạt giá trị bằng hoặc lớn hơn gần nhất với 60% tổng diện tích nhóm  $T_k$  (gọi là nhóm  $t_k$ ) và chỉ lựa chọn đơn vị mẫu cấp I để điều tra nhóm cây hằng năm khác còn lại trong nhóm  $t_k$  này.

Tiếp theo, sắp xếp các thôn, phường có diện tích trồng cây hằng năm khác chiếm 60% diện tích ở trên của toàn tỉnh theo thứ tự danh mục hành chính (huyện/xã, phường) và theo thứ tự thôn (trường hợp địa bàn thuộc khu vực nông thôn). (Thực hiện tương tự như cây trọng điểm).

*Bước 2:* Xác định số lượng đơn vị chọn mẫu cấp I

Số lượng đơn vị mẫu cấp I được chọn để điều tra nhóm cây hằng năm khác còn lại được quy định tại mục 1. Quy mô mẫu.

*Bước 3.* Tính khoảng cách ( $x_k$ ) chọn đơn vị mẫu cấp I theo công thức:

$$x_k = \frac{D_k}{N_k}$$

*Trong đó:*

- +  $x_k$ : Khoảng cách chọn đơn vị mẫu cấp I cây hằng năm khác;
- +  $D_k$ : Diện tích cộng dồn của nhóm  $t_k$ ;
- +  $N_k$ : Tổng số đơn vị mẫu cấp I cây hằng năm khác của tỉnh.

Chọn số ngẫu nhiên  $c$  nằm trong khoảng từ 1 đến  $x_k$  ( $c < x_k$ ). Đơn vị mẫu cấp I đầu tiên được chọn là thôn/phường/thị trấn có diện tích cộng dồn đạt giá trị bằng hoặc lớn hơn gần nhất với giá trị  $c$ . Các đơn vị mẫu cấp I được chọn tiếp theo là thôn, phường có diện tích cộng dồn bằng hoặc lớn hơn gần nhất với các giá trị  $c + x_k$ ,  $c + 2x_k$ ,  $c + 3x_k \dots$  chọn cho đến khi đủ số đơn vị mẫu cấp I.

<sup>16</sup> Diện tích cây hằng năm khác còn lại = Tổng diện tích cây hằng năm - Diện tích các cây trọng điểm.



*Kiểm tra tính đại diện:* Các đơn vị mẫu cấp I được chọn phải đảm bảo trồng đa dạng các loại cây hằng năm khác. Nếu đơn vị mẫu cấp I được chọn không đảm bảo tính đại diện thì tiến hành chọn lại bằng cách thay đổi đơn vị mẫu cấp I đầu tiên.

*Bước 4.* Phân bổ số lượng hộ mẫu theo từng thôn, phường mẫu

Áp dụng tương tự như phân bổ số lượng hộ mẫu đối với cây trọng điểm.

- Chọn mẫu cấp II: Chọn hộ mẫu

Hộ mẫu cây hằng năm khác còn lại chọn cho từng thôn, phường mẫu dựa vào số hộ có gieo trồng cây hằng năm khác được lập theo bảng kê số 02/BK-HNK-HO và số hộ mẫu phân bổ cho từng thôn, phường mẫu.

*Bước 1.* Tính khoảng cách để chọn hộ mẫu ( $y_k$ ) như sau:

$$y_k = \frac{HO_k}{n_k}$$

*Trong đó:*

- +  $y_k$ : Khoảng cách chọn hộ mẫu cây hằng năm khác;
- +  $HO_k$ : Tổng số hộ trồng cây hằng năm khác được lập danh sách theo bảng kê số 02/BK-HNK-HO của thôn, phường mẫu.
- +  $n_k$ : Tổng số hộ mẫu điều tra cây hằng năm khác được phân bổ của thôn, phường mẫu.

*Bước 2.* Chọn hộ mẫu

Chọn số ngẫu nhiên  $d$  nằm trong khoảng từ 1 đến  $y_k$  ( $d \leq y_k$ ). Hộ đầu tiên được chọn là hộ có số thứ tự  $d$  trong nhóm hộ  $HO_k$  của thôn, phường mẫu. Hộ tiếp theo có số thứ tự  $d+y_k$ ;  $d+2y_k$ ; ...;  $d+(n_k-1)y_k$ . Thứ tự của các hộ được chọn là các giá trị vừa được tính toán sau khi đã làm tròn.

*Bước 3.* Lập danh sách hộ mẫu

Lập danh sách hộ mẫu được chọn theo thứ tự lần lượt từ 01 đến hết theo danh sách chọn của từng thôn, phường mẫu của toàn tỉnh.

*Lưu ý chung đối với chọn mẫu cây hằng năm:*

- Bảng kê lập danh sách các hộ gieo trồng và thu hoạch cây hằng năm được rà soát theo từng vụ sản xuất, phục vụ việc chọn hộ mẫu điều tra cây hằng năm dựa trên thông tin đơn vị chọn mẫu cấp I (thôn mẫu, phường mẫu).

- Việc chọn mẫu lại đối với đơn vị mẫu cấp I được thực hiện 02 năm/lần.

- Trường hợp ĐTV đến hộ phỏng vấn nhưng không thu thập được thông tin (hộ chuyển đi nơi khác, hộ không còn sản xuất,...), ĐTV thực hiện chọn hộ khác thay thế từ danh sách hộ lập bảng kê trên địa bàn thôn.

## **B. CHỌN MẪU CÂY LÂU NĂM**

Chọn mẫu điều tra cây lâu năm đại diện cho từng tỉnh, bao gồm: chọn mẫu cây lâu năm trọng điểm và chọn mẫu cây lâu năm khác.

### **I. Chọn mẫu cây lâu năm trọng điểm**

#### **1. Quy mô mẫu**

*- Số lượng cây lâu năm trọng điểm*

Cây lâu năm trọng điểm là những cây lâu năm có diện tích gieo trồng lớn hoặc có giá trị lớn trong tổng giá trị sản xuất trồng trọt cây lâu năm hằng năm của tỉnh, được trồng và thu hoạch trong năm điều tra.

Tổng cục Thống kê quy định những loại cây lâu năm trọng điểm chung của toàn quốc như sau:

- (1) Cao su
- (2) Chè
- (3) Cà phê
- (4) Hồ tiêu
- (5) Điều

Đối với những cây lâu năm theo danh sách ở trên, các tỉnh có diện tích cho sản phẩm đối với 01 cây từ 150 ha trở lên, tiến hành chọn mẫu và điều tra.

Ngoài những cây lâu năm trọng điểm trên, các tỉnh được chọn tối đa 05 cây lâu năm trọng điểm, Cục Thống kê có thể thay đổi loại cây lâu năm trọng điểm tùy theo tình hình sản xuất tại địa phương.

*- Số lượng hộ mẫu điều tra cây lâu năm trọng điểm*

Tổng cục Thống kê quy định số lượng hộ mẫu; thôn mẫu (hoặc phường/thị trấn mẫu) tùy theo quy mô diện tích cho sản phẩm căn cứ trên kết quả điều tra diện tích cây lâu năm của 01 loại cây lâu năm trọng điểm như bảng sau:

Bảng quy định cỡ mẫu điều tra cây lâu năm trọng điểm

Quy mô diện tích	Số thôn, phường mẫu (Đơn vị)	Số hộ mẫu (Hộ)
Dưới 150 ha	0	0

Từ 150 ha đến dưới 500 ha	5	60
Từ 500 ha đến dưới 3.000 ha	10	100
Từ 3.000 ha trở lên	15	150

## 2. Phương pháp chọn mẫu

Chọn mẫu cây lâu năm trọng điểm áp dụng phương pháp chọn ngẫu nhiên hệ thống 02 cấp.

Chọn mẫu cấp 1:

- Chọn thôn mẫu đối với khu vực nông thôn.
- Chọn phường/thị trấn đối với khu vực thành thị.

Chọn mẫu cấp 2: Chọn hộ mẫu.

- *Chọn mẫu cấp 1: Thôn, phường/thị trấn mẫu*

*Bước 1:* Lập danh sách các thôn và phường/thị trấn có diện tích cho sản phẩm cây lâu năm trọng điểm  $j$  ( $j=1, n$ ) từ kết quả điều tra diện tích cây lâu năm, sắp xếp các thôn và phường/thị trấn này theo thứ tự diện tích giảm dần từ cao xuống thấp, cộng dồn diện tích và giữ lại trong danh sách để chọn mẫu đối với những thôn và phường/thị trấn có diện tích cho sản phẩm cộng dồn cây lâu năm trọng điểm  $j$  đạt giá trị gần nhất 70% tổng diện tích cho sản phẩm cây lâu năm  $j$  của toàn tỉnh.

Tiếp theo, sắp xếp các thôn, phường có diện tích trồng cây trọng điểm  $j$  chiếm 70% diện tích  $j$  ( $j= \overline{1, n}$ ) của toàn tỉnh theo thứ tự danh mục hành chính (huyện/xã, phường) và theo thứ tự thôn (trường hợp là địa bàn nông thôn). Căn cứ vào diện tích trồng cây loại  $j$  của các thôn, phường để tính diện tích cộng dồn như sau:

STT	Tên huyện	Tên xã/ phường	Tên thôn, phường	Diện tích cây trồng điểm j của thôn, phường (Ha)	Diện tích cây trồng điểm j cộng dồn của thôn, phường (Ha)
A	B	C	D	1	2
1	H <sub>1</sub>	X <sub>1</sub>	V <sub>1</sub>	D <sub>1</sub>	D <sub>1</sub>
2	H <sub>1</sub>	X <sub>2</sub>	V <sub>2</sub>	D <sub>2</sub>	D <sub>1</sub> +D <sub>2</sub>
3	....	....	V <sub>3</sub>	D <sub>3</sub>	D <sub>1</sub> +D <sub>2</sub> +D <sub>3</sub>
...	.....	....	...	...	...
i	....	....	V(i)	D(i)	D <sub>1</sub> +D <sub>2</sub> +D <sub>3</sub> +D <sub>4</sub> + D(i)
...	.....	....	...	...	...
n	H <sub>n</sub>	X <sub>n</sub>	V <sub>n</sub>	D <sub>n</sub>	D <sub>1</sub> +D <sub>2</sub> +D <sub>3</sub> +D <sub>4</sub> +D <sub>5</sub> +...+D <sub>n</sub>

Trong đó, tổng diện tích cộng dồn cây j của các thôn trên đảm bảo bằng (hoặc ≈) 70% diện tích trồng cây j của toàn tỉnh.

*Bước 2.* Tính khoảng cách ( $k_j$ ) chọn đơn vị mẫu cấp I (thôn, phường/thị trấn mẫu) theo công thức:

$$k_j = \frac{D_j}{N_j}$$

*Trong đó:*

+  $k_j$ : Khoảng cách chọn đơn vị mẫu cấp I cây trồng điểm j;

+  $D_j$ : Diện tích cộng dồn cây trồng điểm j;

+  $N_j$ : Tổng số đơn vị mẫu cấp I điều tra cây trồng điểm j.

*Bước 3.* Chọn thôn, phường mẫu

Chọn số ngẫu nhiên  $i$  nằm trong khoảng từ 1 đến  $k_j$  ( $i < k_j$ ). Đơn vị mẫu cấp I đầu tiên được chọn là thôn/phường/thị trấn có diện tích cộng dồn đạt giá trị bằng hoặc lớn hơn gần nhất với giá trị  $i$ . Các đơn vị mẫu cấp I được chọn tiếp theo là thôn, phường có diện tích cộng dồn bằng hoặc lớn hơn gần nhất với các giá trị  $a+k_j$ ,  $a+2k_j$ ,  $a+3k_j$  ... chọn cho đến khi đủ số mẫu cấp I.

*Bước 4.* Phân bổ số lượng hộ mẫu theo từng thôn, phường mẫu

Áp dụng công thức phân bổ mẫu tỷ lệ thuận với căn bậc hai của quy mô tổng thể đơn vị lập bảng kê.

Công thức chung:

$$n_t = n \left( \sqrt{N_t} : \sum_{t=1}^k \sqrt{N_t} \right)$$

*Trong đó:*

$n$ : Số lượng hộ mẫu của toàn tỉnh.

$n_t$ : Số hộ mẫu của thôn, phường mẫu thứ  $t$  ( $t = \overline{1, k}$ ). Kết quả tính số hộ mẫu theo thôn  $t$  được làm tròn số.

$N_t$ : Là tổng số hộ có trồng cây trọng điểm  $j$  theo danh sách lập bảng kê của thôn, phường mẫu thứ  $t$ .

*- Chọn mẫu cấp II: Hộ mẫu*

Hộ mẫu được chọn theo từng thôn, phường mẫu theo các bước dưới đây:

*Bước 1.* Tính khoảng cách ( $k_j$ ) để chọn hộ mẫu như sau:

$$\text{Khoảng cách chọn hộ mẫu } (k_j) = \frac{\text{Tổng số hộ có diện tích cho sản phẩm cây lâu năm trọng điểm } j \text{ được lập danh sách thuộc thôn, phường mẫu}}{\text{Tổng số hộ mẫu điều tra cây lâu năm trọng điểm } j \text{ của thôn, phường mẫu}}$$

*Bước 2.* Chọn hộ mẫu

Chọn số ngẫu nhiên  $b$  nằm trong khoảng từ 1 đến  $k_j$  ( $b \leq k_j$ ). Hộ đầu tiên được chọn là hộ có số thứ tự  $b$  trong danh sách hộ. Hộ tiếp theo có số thứ tự  $b + k_j$ ;  $b + 2k_j$ ; ...;  $b + (n_j - 1)k_j$ . Thứ tự của các hộ được chọn là các giá trị vừa được tính toán sau khi đã làm tròn.

*Bước 3.* Lập danh sách hộ mẫu

Lập danh sách hộ mẫu được chọn theo thứ tự từ 01 đến hết theo danh sách chọn của từng thôn, phường mẫu của toàn tỉnh.

## **II. Chọn mẫu cây lâu năm khác**

### **1. Quy mô mẫu**

Điều tra năng suất, sản lượng cây lâu năm khác còn lại ngoài cây lâu năm trọng điểm, mỗi tỉnh chọn từ 100-250 hộ.

Số lượng thôn, phường/thị trấn mẫu và số hộ mẫu được quy định theo bảng sau:

Quy mô diện tích cây lâu năm còn lại <sup>17</sup>	Số thôn, phường mẫu (Đơn vị)	Số hộ mẫu (Hộ)
Dưới 100 ha	0	0
Từ 100 ha đến dưới 1.000 ha	8	100
Từ 1.000 ha đến dưới 5.000 ha	10	150
Từ 5.000 ha đến dưới 10.000 ha	15	200
Từ 10.000 ha trở lên	20	250

## 2. Phương pháp chọn mẫu

- Chọn mẫu cấp I: Thôn, phường/thị trấn mẫu

*Bước 1:* Lập danh sách thôn, phường:

Sau khi loại trừ những địa bàn mẫu (thôn, phường mẫu) đã điều tra cây lâu năm trọng điểm, căn cứ vào kết quả điều tra diện tích cây lâu năm, Cục Thống kê lập danh sách toàn bộ các thôn, phường có diện tích cho sản phẩm cây lâu năm khác (gọi là nhóm  $T_k$ ). Sắp xếp các thôn, phường theo thứ tự diện tích từ *cao xuống thấp*. Sau đó lựa chọn nhóm thôn, phường có diện tích cộng dồn đạt giá trị bằng hoặc lớn hơn gần nhất với 70% tổng diện tích nhóm  $T_k$  (gọi là nhóm  $t_k$ ) và chỉ lựa chọn đơn vị mẫu cấp I để điều tra nhóm cây lâu năm khác còn lại trong nhóm  $t_k$  này.

Tiếp theo, sắp xếp các thôn, phường có diện tích trồng cây lâu năm khác chiếm 70% diện tích ở trên của toàn tỉnh theo thứ tự danh mục hành chính (huyện/xã, phường) và theo thứ tự thôn (trường hợp địa bàn thuộc khu vực nông thôn). (Thực hiện tương tự như cây trọng điểm).

*Bước 2:* Tính khoảng cách chọn

Tính khoảng cách ( $x_k$ ) chọn đơn vị mẫu cấp I theo công thức:

$$x_k = \frac{D_k}{n_k}$$

*Trong đó:*

- +  $x_k$ : Khoảng cách chọn đơn vị mẫu cấp I cây lâu năm khác;
- +  $D_k$ : Diện tích cộng dồn của nhóm  $t_k$ ;
- +  $n_k$ : Tổng số đơn vị mẫu cấp I cây lâu năm khác của tỉnh.

<sup>17</sup> Diện tích cây lâu năm còn lại = Tổng diện tích cây lâu năm - Tổng diện tích các loại cây lâu năm trọng điểm

### Bước 3. Chọn thôn, phường mẫu

Chọn số ngẫu nhiên  $c$  nằm trong khoảng từ 1 đến  $x_k$  ( $c < x_k$ ). Đơn vị mẫu cấp I đầu tiên được chọn là thôn/phường/thị trấn có diện tích cộng dồn đạt giá trị bằng hoặc lớn hơn gần nhất với giá trị  $c$ . Các đơn vị mẫu cấp I được chọn tiếp theo là thôn, phường có diện tích cộng dồn bằng hoặc lớn hơn gần nhất với các giá trị  $c + x_k$ ,  $c + 2x_k$ ,  $c + 3x_k \dots$  chọn cho đến khi đủ số đơn vị mẫu cấp I.

*Kiểm tra tính đại diện:* Các đơn vị mẫu cấp I được chọn phải đảm bảo trông đa dạng các loại cây lâu năm khác. Nếu đơn vị mẫu cấp I được chọn không đảm bảo tính đại diện thì tiến hành thủ tục chọn mẫu lại.

### Bước 4. Phân bổ số lượng hộ mẫu theo từng thôn, phường mẫu.

Áp dụng tương tự như phân bổ hộ mẫu đối với cây lâu năm trọng điểm.

- Chọn mẫu cấp II: Chọn hộ mẫu

Hộ mẫu được chọn theo từng thôn, phường mẫu theo các bước dưới đây:

*Bước 1.* Tính khoảng cách để chọn hộ mẫu ( $y_k$ ) như sau:

$$y_k = \frac{HO_k}{n_k}$$

*Trong đó:*

- +  $y_k$ : Khoảng cách chọn hộ mẫu cây lâu năm khác.
- +  $HO_k$ : Tổng số hộ có diện tích cho sản phẩm cây lâu năm khác được lập danh sách theo bảng kê số 04/BK-LNK-HO thuộc thôn, phường mẫu.
- +  $n_k$ : Tổng số hộ mẫu điều tra cây hằng năm khác của thôn, phường mẫu

*Lưu ý:*

- +  $y_k$  có thể là số thập phân và được làm tròn đến 1 chữ số sau dấu phẩy;

### Bước 2. Chọn hộ mẫu

Chọn số ngẫu nhiên  $d$  nằm trong khoảng từ 1 đến  $y_k$  ( $d \leq y_k$ ). Hộ đầu tiên được chọn là hộ có số thứ tự  $d$  trong danh sách hộ có diện tích cho sản phẩm cây lâu năm khác được lập bảng kê của thôn, phường mẫu. Hộ tiếp theo có số thứ tự  $d + y_k$ ;  $d + 2y_k$ ; ...;  $d + (n_k - 1)y_k$ . Thứ tự của các hộ được chọn là các giá trị vừa được tính toán sau khi đã làm tròn.

### Bước 3. Lập danh sách hộ mẫu

Lập danh sách hộ mẫu được chọn theo thứ tự từ 01 đến hết theo danh sách chọn của từng thôn, phường mẫu của toàn tỉnh.

*Lưu ý chung đối với chọn mẫu cây lâu năm:*

- Một số cây lâu năm trọng điểm kết thúc vụ thu hoạch sớm, thời gian thu hoạch cách xa thời điểm điều tra 01/12, Cục Thống kê có thể quyết định điều tra năng suất ngay sau khi kết thúc vụ thu hoạch (cây điều, cây hồ tiêu, cây vải, cây nhãn, ...).

- Cục Thống kê sử dụng thông tin điều tra diện tích của năm trước năm điều tra để thực hiện chọn mẫu đối với những cây lâu năm trọng điểm thực hiện điều tra sớm so với quy định. Khi hoàn tất điều tra diện tích cây lâu năm thời điểm 01/11, thực hiện chức năng chọn mẫu lần lượt theo quy trình (xác định cây trọng điểm (bao gồm cả cây lâu năm trọng điểm đã chọn mẫu để điều tra trước), chương trình sẽ xác định cây lâu năm còn lại), và thực hiện chọn mẫu. Chương trình sẽ lưu giữ thông tin cây lâu năm trọng điểm điều tra trước để phục vụ tổng hợp kết quả điều tra.

- Mẫu điều tra được chọn lại theo chu kỳ 02 năm/lần.

- Trường hợp ĐTV đến hộ nhưng không thu thập được thông tin (hộ chuyển khỏi địa bàn, hộ không sản xuất nữa,...), ĐTV chọn hộ khác thay thế từ danh sách hộ lập danh sách trên địa bàn.